**BÀI 4: TIẾNG CƯỜNG TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ TỪ, THÀNH NGỮ HÁN VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó.

**2. Về năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, …

- Năng lực nhận diện nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

- GV đưa ra yêu cầu: *Năm 1946, bà Hằng Phương biếu Bác Hồ một gói cam, Bác Hồ đã làm một bài thơ tỏ lòng cảm ơn như sau:*

*Cảm ơn bà biếu gói cam,*

*Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?*

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,*

*Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?*

? Trong bài thơ này, Bác Hồ đã sử dụng từ đồng âm như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời câu hỏi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt và bài học mới: *Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: các yếu tố Hán Việt cùng âm nhưng nghĩa khác xa nhau và không liên quan tới nhau. Để hiểu rõ hơn về nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức tiếng Việt** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về từ Hán Việt  **Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu hiểu biết của em về nghĩa từ Hán Việt?  ? Đọc ngữ liệu SGK/84 và chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ “*giới*”  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **I. TỪ HÁN VIỆT**  - Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt, ví du: *tổ, đầu, phòng, cao, tuyết, bang, thần, bút, ...* và một bộ phận các từ phức (có chứa yếu tổ thường không có khả nàng sử dụng độc lập như từ đơn) ít nhiều còn gây khó hiểu như: *sĩ tử, nhàn văn, nhân đạo, không phận, hải phận, địa cực, kí sinh, ...* Nhóm các từ phức gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt.  **II. HIỆN TƯỢNG ĐỒNG ÂM GIỮA MỘT SỐ YÊU TỐ HÁN VIỆT**  **1. Ngữ liệu (SGK/84)**  - **Giới1** với nghĩa “*cõi, nơi tiếp giáo*” trong các từ như: *giới hạn, giới thuyết, giới tuyến, biên giới, địa giới, giáp giới, hạn giới, phân giới, ranh giới, thế giới, thượng giới, tiên giới*.  - **Giới2** với nghĩa “*răn, kiêng*” trong các từ như: *giới nghiêm, cảnh giới, phạm giới, thụ giới*.  - **Giới3** với nghĩa “*ở giữa, làm trung gian*” trong các từ như: *giới thiệu, mô giới*.  - **Giới4** với nghĩa “*đồ kim khí, vũ khí*” trong các từ như: *cơ giới, cơ giới hóa, binh giới, khí giới, quân giới*.  - **Giới5** với nghĩa chỉ một loài cây: *kinh giới*.  **2. Nhận xét**  - Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: các yếu tố Hán Việt cùng âm nhưng nghĩa khác xa nhau và không liên quan tới nhau. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỰC HÀNH** | | | | | | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Củng cố lại kiến thức đã học: từ Hán Việt, yếu tố Hán Việt  - Sử dụng tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập.  **Nội dung:** | | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | **Sản phẩm** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | | | | **Bài tập 1:** | | |
| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Giải nghĩa** | | | **Từ Hán Việt** | |
| 1 | *sĩ* | học trò, người có học vấn | | | *sĩ diện, học sĩ, sĩ phu, danh sĩ, …* | |
| 2 | *tử* | một người nào đấy, thành phần cấu tạp nên một chỉnh thể nào đấy | | | *lãng tử, tài tử, nữ tử, nam tử, sĩ tử, phần tử, …* | |
| 3 | *quan* | - chức vụ trong bộ máy nhà nước phong kiến, thực dân  - viên chức có quyền hành trong bộ máy nhà nước phong kiến, thức dân | | | *quan văn, quan võ, quan sứ, quan lại, quan trường, …* | |
| 4 | *trường* | - khoảng đất trống rộng rãi  - nơi tụ họp đông người  - nơi, chỗ | | | *quảng trường, trường sở, hiện trường, công trường, trường học, thị trường, …* | |
| 5 | *sứ* | người thực hiện mệnh lệnh của nhà nước làm việc ở nước ngoài | | | *sứ giả, sứ thần, công sứ, quan sứ, sứ quán, …* | |
| 6 | *nhân* | người | | | *nhân văn, nhân khẩu, nhân lực, yếu nhân, vĩ nhân, đại nhân, …* | |
| 7 | *tài* | có năng lực, giỏi | | | *tài năng, tài hoa, tài nghệ, tài đức, hiền tài, đại tài, thiên tài, …* | |
|  | | | | **Bài tập 2** | | |
| **Yếu tố Hán Việt** | | | **Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng** | | | |
| **gian1** (lừa dối, xảo trá) | | | *gian ác, gian giảo, gian hiểm, gian hùng, gian lận, gian manh, gian phi, gian phu, gian tà, gian tặc, gian tham, gian thần, gian thương, gian trá, gian xảo, tà gian, ...* | | | |
| **gian2** (giữa, khoảng giữa) | | | *trung gian, dân gian, dương gian, khống gian, nhân gian, thế gian, thời gian, trần gian, ...* | | | |
| **gian3** (khó khăn, vất vả) | | | *gian khổ, gian nan, gian nguy, gian truân, ...* | | | |
|  | | | | **Bài tập 3:**  **a.**  - **nam1** (phương nam): *kim chỉ nam, nam phong, phương nam*  - **nam2** (nam giới): *nam quyền, nam sinh, nam tính*  **b.**  **- thủy1** (nước): *thuỷ triều, thuỷ lực, hồng thuỷ*  **- thuỷ2** (khởi đầu): thủy tổ, khởi thuỷ, nguyên thuỷ  **c.**  **- giai1** (đẹp): *giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại*  **- giai2** (ngôi, bậc): *giai cấp, giai đoạn*  **- giai3** (đều, cùng): *bách niên giai lão* | | |
| **Bài tập 4:** | | |
| **Thành ngữ** | | | **Giải nghĩa** | | | **Đặt câu** |
| vô tiền khoáng hậu | | | điểu chưa từng xảy ra trong quá khứ và cũng rất khó xảy ra trong tương lai | | | Thành tích của anh ấy là *vô tiền khoáng hậu*. |
| dĩ hoà vi quỷ | | | lấy sự hài hoà, hoà khí làm mục đích cao nhất | | | Anh em với nhau thì không nên tranh chấp như vậy, *dĩ hoà vi quý* là hơn. |
| đồng sàng dị mộng | | | ngủ cùng giường nhưng mơ nhũng giấc mơ khác nhau (cùng sống với nhau nhưng tầm tư, tình cảm không giống nhau hoặc cùng làm việc nhưng không cùng một chí hướng) | | | Tôi và anh chỉ là *đổng sàng dị mộng* mà thôi, không thể hợp tác trong công việc này nữa. |
| chúng khẩu đồng từ | | | nhiễu người cùng nói một lời như nhau | | | Bọn nó *chúng khẩu đổng từ* như vậy, ai mà cãi lại được. |
| độc nhất vô nhị | | | thứ độc đáo, duy nhất, chỉ có một mà không có hai | | | Món quà cô ấy làm tặng mẹ quả là *độc nhất vô nhị*. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng một số từ, thành ngữ Hán Việt

c) Sản phẩm: Câu trả lời, đoạn văn nói và viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Nêu chi tiết có tính chất trào phúng trong bài thơ mà em ấn tượng nhất.

+ Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng trong bài thơ mà em ấn tượng nhất. Trong đoạn văn có sử dụng một số từ, thành ngữ Hán Việt.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi và viết đoạn văn

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.